

UBND THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TRƯỜNG TH LÊ HỒNG PHONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Nghĩa Thành, ngày 25 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG TH LÊ HỒNG PHONG

2. Địa chỉ:

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk
Nông;

Email: Truonghongphong.gianghia@gmail.com

Cổng thông tin điện tử: <http://c1lehongphong.pgdgianghia.edu.vn>

3. Loại hình cơ sở giáo dục:

Loại hình: Trường công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND thành phố Gia Nghĩa;

Tên nhà đầu tư thành lập: UBND thành phố Gia Nghĩa.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

Đào tạo đội ngũ học sinh phát triển toàn diện, có khả năng học tập suốt đời, có kỹ năng tốt, sẵn sàng học tập trong mọi môi trường giáo dục.

Khẳng định được vị trí và thương hiệu của nhà trường, là điểm đến tin cậy của phụ huynh, là ngôi trường hạnh phúc của tập thể CB-GV-NV và học sinh.

Xây dựng trường học hạnh phúc. Mỗi học sinh, khi đến trường, đều tìm thấy niềm vui mỗi ngày, đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của mình.

Là một trường đi đầu khu vực trong giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh.

Xây dựng môi trường học tập thân thiện, lành mạnh, tích cực, an toàn với cơ sở vật chất, cảnh quan xanh sạch đẹp, tổ chức nhiều hoạt động giáo dục, VH- TT, sinh hoạt tập thể vui tươi, lành mạnh, tạo không khí đoàn kết, thân ái, thi đua học tập. Huy động thêm nhiều sự tham gia, quan tâm hợp tác, cộng đồng trách nhiệm của các Đoàn thể, CMHS và toàn xã hội đối với nhà trường.

5. Quá trình hình thành và phát triển

Tiểu học Lê Hồng Phong được thành lập theo Quyết định số 22/QĐ-TL ngày

15/6/1990 của UBND huyện Đak Nông.

Năm học 2023-2024 trường được công nhận đạt Kiểm định chất lượng mức độ 2 và trường chuẩn quốc gia mức độ I.

Năm học 2024 – 2025 trường có 22 lớp, 860 học sinh và 34 Cán bộ giáo viên, nhân viên. Đội ngũ cán bộ - giáo viên - nhân viên nhiệt tình, có tinh thần đoàn kết và trách nhiệm cao với mọi công việc được giao, năng lực chuyên môn vững, tận tụy, hết lòng vì học sinh, yên tâm với nghề và thực sự yêu nghề, mến trẻ. CB, GV, NV đều đạt chuẩn, đây là yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ tên: Phạm Thị Dung

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Tổ dân phố 7, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông;

Số điện thoại: 0978 292 975

Địa chỉ thư điện tử: dungpctgn@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập trường: Quyết định số 22/QĐ-TL ngày 15/6/1990 của UBND huyện Đak Nông

b. Quyết định công nhận Hội đồng trường: Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc thành lập Hội đồng trường Tiểu học Lê Hồng Phong.

TT	Họ tên	Chức vụ	Chức vụ trong Hội đồng
01	Bà Phạm Thị Dung	Bí thư Chi bộ, hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
02	Bà Lê Thị Đông	Phó Hiệu trưởng; CT Công đoàn	PCT HĐ
03	Ông Ngô Đức Hùng	PCTUBND phường Nghĩa Thành	Thành viên
04	Bà Trần Thị Hảo	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
05	Bà Nguyễn Thị Lan	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
06	Bà Trần Thị Thu Hiền	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
07	Bà Lê Thị Hằng	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
08	Ông Nguyễn Đình Dur	Bí thư chi đoàn	Thành viên
09	Bà Bùi Thị An	Tổ trưởng Tổ Văn phòng	Thành viên
10	Bà Đinh Thị Hồng Liên	Giáo viên	Thành viên
11	Bà Nguyễn Thị Thọ	Trưởng Ban đại diện CMHS	Thành viên

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm ban giám hiệu

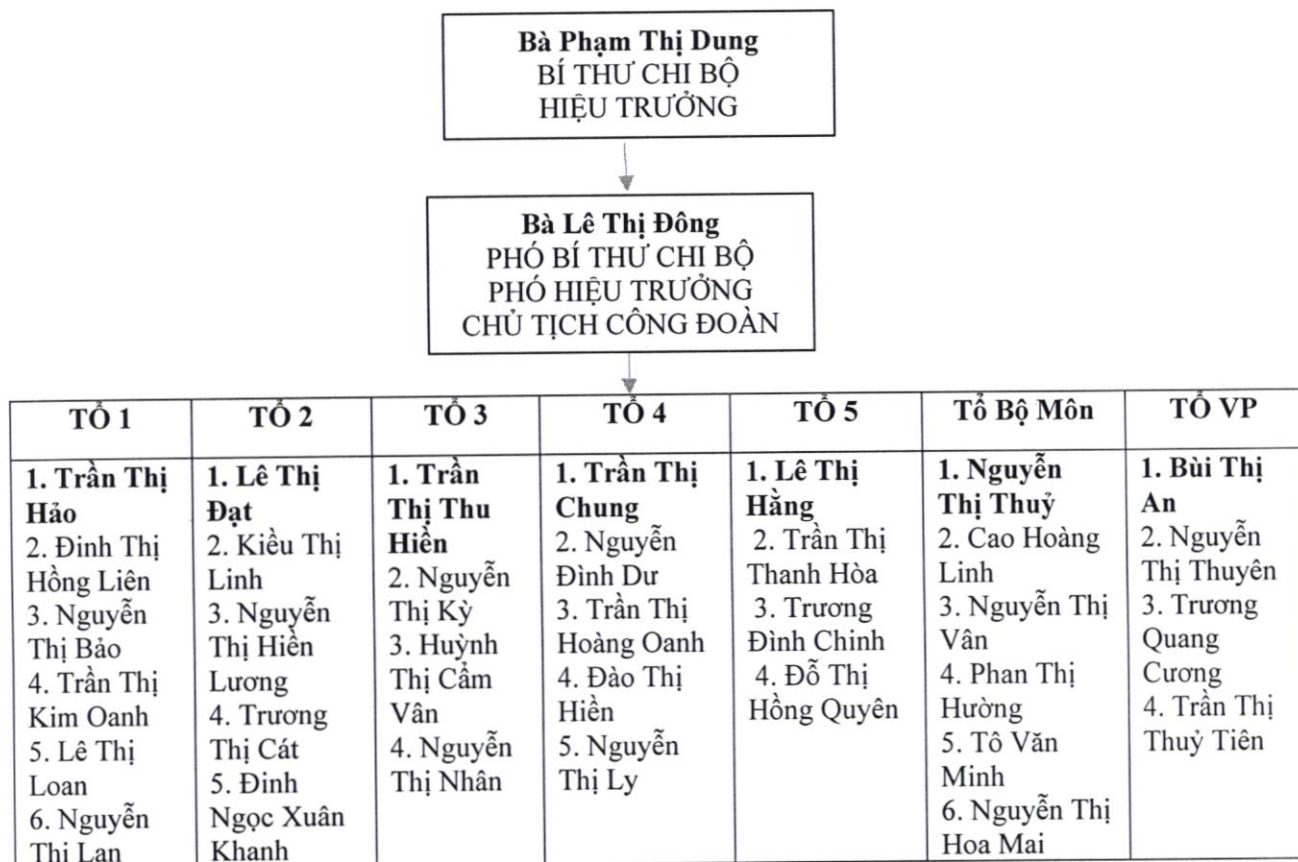
Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 05/03/2021 về việc điều động, bổ nhiệm viên chức quản lý của UBND thành phố Gia Nghĩa đối với bà Phạm Thị Dung, Hiệu trưởng trường tiểu học Lê Hồng Phong; Quyết định số 1136/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý của UBND thành phố Gia Nghĩa đối với bà Lê Thị Đông, phó hiệu trưởng trường tiểu học Lê Hồng Phong;

d. Quy chế tổ chức và hoạt động

Trường ban hành Quyết định số 34/QĐ-LHP ngày 19/9/2023 về việc ban hành Quy chế làm việc trường tiểu học Lê Hồng Phong.

* Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường

Bảng 1 : Cơ cấu tổ chức nhà trường



8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục: Kế hoạch chiến lược số 05/KH-LHP ngày 02 tháng 4 năm 2021 của trường tiểu học Lê Hồng Phong về chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021 – 2026 và tầm nhìn đến 2030;

Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quy chế được ban hành theo Quyết định số 35/QĐ-LHP ngày 25/9/2023 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở trong hoạt động của trường TH Lê Hồng Phong.

Các nghị quyết của hội đồng trường;

Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính;

Quy chế chi tiêu nội bộ;

Quy chế sử dụng tài sản.

II. THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo. (kể cả số lượng Hợp đồng 111/NĐ-CP)

Stt	Vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Số lượng người làm việc	Trình độ đào tạo	
				Trình độ	Chuyên môn đào tạo
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	02	02		
1	Hiệu trưởng	01	01	Đại học	Giáo dục Tiểu học
2	Phó Hiệu trưởng	01	01	Đại học	Giáo dục Tiểu học
II	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	01	31		
1	Giáo viên cơ bản		25 (02 HĐ111)	Đại học	Giáo dục Tiểu học
2	Giáo viên Tiếng Anh		03 (01 HĐ111)	Đại học	Tiếng Anh
3	Giáo viên Mỹ thuật		01	Đại học	Mỹ thuật
4	Giáo viên Âm nhạc		01	Đại học	Âm nhạc
5	Giáo viên GDTC		01	Đại học	Giáo dục Thể chất
III	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	03	03		
1	Kế toán	1	1	Đại học	Kế toán
2	Thư viện	1	1	Đại học	Thư viện
3	Văn thư - Thủ quỹ	1	1	Trung cấp	Văn thư
VI	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	01	01		
1	Bảo vệ		01	THPT	
2	Phục vụ		0		
Tổng cộng			37		

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

Tổng số Cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp: 33/33 đạt 100%

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

Tổng số Cán bộ quản lý, giáo viên thành bồi dưỡng hàng năm: 33/33 đạt 100%

III. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG CHUNG

1. Diện tích đất trường: 4 144m²

Số điểm trường: 01

Diện tích bình quân 4,8m²/1 học sinh (chưa đạt so với yêu cầu tối thiểu 8m²-10m²/1 học sinh)

Trong những năm qua, nhà trường đã trồng chăm sóc cây xanh che bóng mát cũng như các loại hoa kiểng. Đến nay, trong khuôn viên trường đã có các bồn hoa cây xanh tạo bóng mát và tăng tính thẩm mỹ cho sân trường, đảm bảo khuôn viên xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh.

Trường có cổng trường, biển tên trường, đảm bảo yêu cầu an toàn, thẩm mỹ, có tường rào bảo vệ khép kín cao 1,8m đảm bảo an toàn. Biển tên trường được lắp đặt rõ ràng, đảm bảo vẻ mỹ quan, nội dung biển tên trường đúng theo quy định Điều lệ trường học. Tuy nhiên, hàng rào đã xây dựng lâu năm, nhiều chỗ nứt có nguy cơ sập không đảm bảo an toàn cho học sinh và phụ huynh.

Trường có sân chơi với diện tích khoảng 2000m², được đổ bê tông theo quy định. Tuy nhiên sân được đầu tư đã lâu nhiều chỗ hư hỏng, lồi lõm không đảm bảo an toàn cho học sinh vui chơi, rèn luyện thể dục thể thao.

2. Số lượng hạng mục khối phòng hành chính, quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt.

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	22/22	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	22	1.1
2	Phòng học bán kiên cố	2	
III	Phòng hành chính, quản trị		
1	Phòng Hiệu trưởng	1	
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	1	
3	Phòng Văn thư – Thủ quỹ	1	
4	Phòng Kế toán	1	
5	Phòng họp	1	
IV	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2000m ²	1.8m ²
V	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1080m ²	2.3
2	Diện tích thư viện (m ²)	45m ²	

3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	45m2	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	0	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	50m2	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	35m2	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	20m2	
VI	Nhà bếp	50m2	
VII	Nhà vệ sinh đạt chuẩn	70m2	
VIII	Hệ thống nước sạch	có	
IX	Tường rào	Có (nhiều đoạn hư hỏng)	

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	4	1/1
1.2	Khối lớp 2	5	1/1
1.3	Khối lớp 3	0	
1.4	Khối lớp 4	0	
1.5	Khối lớp 5	0	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3	4	1/1
2.4	Khối lớp 4	5	1/1
2.5	Khối lớp 5	4	1/1
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	28	02 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	23	1/1
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	4	

5	Bộ âm thanh (aamly, loa)	1	
6	Bộ âm thanh đa năng	1	
7	Âm ly	1	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia.

Hàng năm nhà trường đều tiến hành tự đánh giá để có kế hoạch cải tiến chất lượng. Năm học 2023 – 2024, nhà trường thực hiện đánh giá ngoài về kiểm định chất lượng giáo dục Đạt mức 2 trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước (2023-2024)

1. Số lượng HS

Khối	Số lớp	SL	Nữ	Tỉ lệ(%)	Dân tộc	Tỉ lệ(%)	Nữ DT	Tỉ lệ(%)
1	5	168	74	44.1	4	2.4%	2	1.2%
2	4	168	82	81.8	7	4.2%	3	1.8%
3	5	203	86	42.4	7	3.5%	5	2.5%
4	4	150	70	46.7%	5	3.3%	3	2.0%
5	4	158	76	48.1%	9	5.7%	7	4.4%
Tổng	22	847	388	45.8%	32	3.9%	20	2.4%

2. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	847	168	168	203	150	158
II	Số HS học 2 buổi/ngày	847	168	168	203	150	158
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	847	168	168	203	150	158
1	Tốt(tỷ lệ so với tổng số)	638 75,3%	143 85,1%	132 78,6%	158 77,8%	111 74%	94 59,5%
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	209 24,7%	25 14,9%	36 21,4%	45 22,2%	39 26%	64 40,5%

3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	720 85,0%	161 95,8%	152 90,5%	184 90,6%	132 88%	91 57.6%
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	118 13,9%	4 2,4%	12 7,1%	17 8,4%	18 12%	67 42,4%
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	9 1,1%	3 1,8 %	4 2,4%	2 1,0%	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	8,9%	98,2%	97,6%	99%	100%	100%
2	HS rèn luyện trong hè (tỷ lệ so với tổng số)	9 1,1%	3 1,8 %	4 2,4%	2 1,0%	0	0
VI	Tổng hợp kết quả cuối năm sau kiểm tra lại						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	841 99,3%	165 98,2%	167 99,4%	201 99%	150 100%	158 100%
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	6 0,7%	3 1,8 %	1 0,6%	2 1,0%	-	-

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của nhà trường năm 2023

a. Các khoản thu

DVT: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao	Ghi chú
A	Nguồn ngân sách trong nước	5.828.388.611	
I	Chi quản lý hành chính	-	
II	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-	
III	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	5.828.388.611	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.557.300.000	
	Kinh phí lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương	4.972.210.000	

	Chi thường xuyên cho hoạt động giảng dạy và học tập	585.090.000	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	271.088.611	
	Kinh phí nâng cấp và phần mềm xóa mù chữ (2023-2027)	2.500.000	
	Kinh phí hỗ trợ các trường học thực hiện sửa chữa csvc	90.000.000	
	Kinh phí thực hiện chế độ tinh giản biên chế	174.268.611	
	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 57/2017/NĐ-CP	4.320.000	
B	Nguồn vốn viện trợ	-	
C	Nguồn vay nợ nước ngoài	-	

2. Các khoản chi

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung chi	Tổng số	Ghi chú
I	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	5.546.882.000	
1	Chi tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản chi khác có tính chất như lương, các khoản phải nộp theo lương	5.138.136.000	
2	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (bao gồm chi hoạt động chuyên môn, chi mua sắm, duy tu, sửa chữa CSVC, trang thiết bị, chi cước internet, điện nước, VPP....	311.266.000	
3	Chi các khoản khác	97.480.000	
II	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	271.088.611	
1	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	90.000.000	
2	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	2.500.000	
3	Chi tinh giản biên chế	174.268.611	
	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập theo Nghị Định 57/2017/NĐ-CP	4.320.000	
	Tổng cộng	5.817.970.611	

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí, học bổng đối với người học.

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung chi	Số đối tượng	Số tiền
-----	--------------	--------------	---------

		HS được hưởng	
1	Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh DTTS rất ít người theo Nghị Định Số 57/2017/NĐ-CP	1	4.320.000
	Tổng cộng	1	4.320.000

3. Số dư các khoản quỹ theo quy định năm 2023 (tính đến thời điểm 31/12/2023)

Tồn tiền mặt các khoản quỹ dịch vụ: 16.385.772

Tồn tiền gửi các khoản thu dịch vụ: 3.147.000

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

Xây dựng kế giáo dục năm học 2023-2024 ngày 31 tháng 8 năm 2023 trong thực hiện nhiệm vụ năm học.

Chỉ đạo bộ phận chuyên môn, giáo viên thực hiện Căn cứ Hướng dẫn số 507/HD-PGDĐT ngày 28/9/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo, về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Tiểu học năm học 2023-2024. Các bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch chi tiết và phân công nhiệm vụ cụ thể các bộ phận, thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 trong đó chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh từng bước nâng cao chất lượng dạy và học. Kết quả: 100% cán bộ quản lý, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng sử dụng sách giáo khoa theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nhiệm vụ năm học, hướng dẫn tổ chức các sân chơi, hội thi; công tác đảm bảo an toàn trường học, phòng chống dịch bệnh.

Ngay từ đầu năm học, lãnh đạo nhà trường đã xây dựng các kế hoạch tổ chức, tham gia các sân chơi trí tuệ như Olympic Tiếng Anh, Toán Tiếng Việt, các hội thi như giao lưu tiếng Việt, Sáng tạo TTN-Nhi đồng, ...giúp học sinh có thêm sân chơi bổ ích, được học hỏi, nâng cao kiến thức, kỹ năng.

- Kết quả công tác chỉ đạo chuyên môn

- Chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, chủ động xây dựng nội dung sinh hoạt định kỳ 2 lần/tháng. Xây dựng kế hoạch tổ chức thao giảng, chuyên đề, dự giờ thăm lớp để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. Kết quả trong năm học 2023-2024 đã tổ chức 8 chuyên đề.

2. Việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

2.1. Đảm bảo việc triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục Triển khai việc thực hiện KHGD, KHDH môn học, KHBD đến toàn thể GV trường; chỉ đạo tổ chuyên môn thực hiện Kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục. 100% tổ chuyên môn xây dựng, triển khai KHGD, KHDH môn học. 100% giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

* Đối với các lớp từ lớp 1 đến lớp 4

- Thực hiện theo tinh thần Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ GD & ĐT về việc ban hành CTGDPT 2018;

- Tổ chức triển khai Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ GD & ĐT về việc quy định đánh giá, xếp loại học sinh tiểu học.

* Đối với lớp 5: Tiếp tục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo quyết định số 16/2006/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ GD & ĐT về việc ban hành CTGDPT;

- Tổ chức triển khai quán triệt tinh thần văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT (hợp nhất Thông tư số 22 và Thông tư 30) về việc đánh giá, xếp loại học sinh tiểu học.

2.2. Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, Tin học theo Chương trình GDPT 2018.

a) Đối với môn Tiếng Anh

Trường có 02 giáo viên dạy môn Tiếng Anh trình độ B2. Trường thực hiện dạy Tiếng Anh cho tất cả các lớp học 2 buổi/ ngày (13 lớp từ lớp 3 đến lớp 5).

- Đối với lớp 5: tiếp tục triển khai Chương trình Tiếng Anh tự chọn theo Chương trình GDPT 2006 theo quy định; tăng cường tổ chức dạy đủ 4 tiết/tuần cho HS lớp 5; sử dụng SGK, tài liệu dạy học theo quy định của Bộ GDĐT theo Công văn số 4329/BGDĐT-GDTH ngày 27/6/2013 về việc chấn chỉnh việc sử dụng SGK, tài liệu dạy Tiếng Anh tiểu học và các văn bản khác của Bộ GDĐT.

b) Đối với môn Tin học và việc tổ chức hoạt động giáo dục Tin học

Trường có 01 giáo viên dạy môn Tin học (HĐ), có 01 phòng máy với 28 máy vi tính.

Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho 100% HS lớp 3, lớp 4 theo yêu cầu được quy định trong Chương trình GDPT 2018; triển khai thực hiện các giải pháp để tổ chức dạy học môn Tin học theo hướng dẫn của Bộ GDĐT theo Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học.

3. Công tác triển khai giáo dục STEM, chuyển đổi số, thí điểm triển khai

Học bạ số

3.1. Đối với giáo dục STEM

Làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của CBQL, GV, cha mẹ HS, HS về vai trò của giáo dục STEM nhằm tạo sự đồng thuận; huy động nguồn lực của cộng đồng triển khai thực hiện hiệu quả giáo dục STEM trong Chương trình GDPT.

100% CB, GV được tập huấn giáo dục STEM, làm tốt công tác chỉ đạo, GV đã chủ động tích hợp nội dung giáo dục STEM vào kế hoạch giáo dục đảm bảo chất lượng và hiệu quả; tham dự các chuyên đề cấp cụm trường nhằm tăng cường trao đổi chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm trong tổ chức dạy học STEM, bước đầu đưa nội dung giáo dục vào các môn học cụ thể theo chủ đề từng khối/lớp đã tạo được sự yêu thích, say mê, kích thích sự tìm tòi, học hỏi và sáng tạo của học sinh. Kết quả trong năm đã triển khai cho khối lớp 3, 4, 5 thực hiện thí điểm mỗi lớp 2 tiết/năm.

3.2. Đối với việc triển khai chuyển đổi số, thí điểm triển khai Học bạ số

a) Đối với việc triển khai chuyển đổi số, giáo dục kỹ năng công dân số

Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết, điều hành công việc. Ứng dụng các thành tựu của công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, chỉ đạo, đặc biệt là nâng cao hiệu quả việc sử dụng hộp thư trường.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của viên chức, người lao động về chính quyền số, chuyển đổi số. Phát huy vai trò của lãnh đạo nhà trường, công đoàn, đoàn thanh niên trong việc hỗ trợ viên chức, người lao động thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Thúc đẩy phát triển chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục. Đẩy mạnh công tác sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Tăng cường ứng dụng chữ ký số.

- Khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin quản lý, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ tốt công tác quản lý của đơn vị. GV thực hiện các nội dung quản lý, đánh giá học sinh trên CSDL; báo cáo kết quả hoạt động giảng dạy, giáo dục trên hệ thống cơ sở dữ liệu; tham gia sinh hoạt, hội họp qua Google Meet... khi cần thiết.

- Thực hiện các dịch vụ công phục vụ học sinh, phụ huynh học sinh như khoản thu không sử dụng tiền mặt, sử dụng hóa đơn điện tử.

c) Đối với việc triển khai thí điểm triển khai Học bạ số.

Đã tổ chức tập huấn thực hiện học bạ số cho 100% giáo viên và thí điểm thực hiện năm học 2023-2024 đội ngũ thực hiện có hiệu quả tốt. Năm học 2023 – 2024, 100% (18 lớp) các lớp 1, 2, 3,4 thực hiện học bạ số.

4. Thực hiện công tác lựa chọn sách giáo khoa lớp 5.

Căn cứ Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông; Căn cứ Quyết định số 4119/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sách giáo khoa các môn học, hoạt động giáo dục lớp 5; Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sách giáo khoa các môn học, hoạt động giáo dục lớp 5 và sách giáo khoa môn Ngoại ngữ 1 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông; đơn vị đã thực hiện lựa chọn Bộ sách giáo khoa lớp 5 đúng quy định.

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Sau khi có Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh nhà trường đã công bố Quyết định trên Website nhà trường và gửi đến PHHS bằng các phương tiện truyền thông khác nhau và công khai trên bảng thông báo của đơn vị.

5. Nâng cao hiệu quả việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá

- Dựa trên tình hình thực tế của nhà trường, Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ, nhóm chuyên môn xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học, thiết kế tiến trình dạy học trong mỗi môn học với các nội dung, các chủ đề dạy học, chủ đề tích hợp, liên môn phù hợp và theo hình thức, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực.

- Tiếp tục vận dụng triệt để, hiệu quả các phương pháp dạy học và các kỹ thuật dạy học tích cực để thực hiện dạy học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh.

- Tăng cường rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu sách giáo khoa để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học; dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận, bảo vệ kết quả học tập của mình; giáo viên tổng hợp, nhận xét, đánh giá, kết luận để học sinh tiếp nhận và vận dụng.

- Hầu hết giáo viên có ý thức sử dụng đồ dùng dạy học như tranh ảnh, mẫu vật, bảng phụ, ...Đảm bảo sử dụng đồ dùng dạy học hiệu quả cho các tiết học có đồ dùng thí nghiệm, chống dạy chay, khuyến khích tự làm đồ dùng (giao Nhân viên thư viện, thiết bị lập sổ theo dõi).

- Khuyến khích GV ứng dụng CNTT để đổi mới phương pháp dạy học. Trong năm học 2023 - 2024 mỗi giáo viên có ít nhất 4 bài giảng UDCNTT.

- BGH cùng tổ chuyên môn thường xuyên dự giờ đột xuất, kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn, sử dụng đồ dùng dạy học của giáo viên nhằm tư vấn, giúp đỡ để giáo viên có phương pháp dạy tốt.

** Chỉ đạo tích cực đổi mới kiểm tra, đánh giá*

- Tiếp tục đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh. Chú trọng đánh giá thường xuyên đối với tất cả các học sinh.

- Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề thi, kiểm tra theo ma trận. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá; Tổ chức thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy chế ở tất cả các khâu ra đề, coi, chấm và nhận xét, đánh giá học sinh; đảm bảo thực chất, khách quan, trung thực, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh.

- Khi chấm bài kiểm tra nhất thiết phải có phần nhận xét, hướng dẫn, sửa sai, động viên sự cố gắng, tiến bộ của học sinh. Việc cho điểm có thể kết hợp giữa đánh giá kết quả bài làm với theo dõi sự cố gắng, tiến bộ của học sinh.

** Đổi mới sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn*

- Thực hiện sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn 2 lần/ tháng;
- Tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học và tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường.

- BGH kết hợp với các tổ chuyên môn ký duyệt kế hoạch dạy học đầu năm.

- BGH, tổ trưởng chuyên môn kiểm tra kế hoạch tổ/nhóm chuyên môn và kế hoạch dạy học của giáo viên phải có nhận xét đầy đủ, chịu trách nhiệm về nội dung mình kiểm tra.

Khuyến khích đội ngũ nhà giáo, CBQL quan tâm viết bài và đưa tin về các hoạt động của trường, của Ngành về việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, những gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp học.... để tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng thu hút sự quan tâm, ủng hộ trong cha mẹ học sinh.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2024 của trường Tiểu học Lê Hồng Phong công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT về Quy định công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân./.

Nơi nhận:

- PGDĐT (b/c);
- Website nhà trường;
- Bảng tin;
- Lưu: Vt.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Dung